

Bình Dương, ngày 19 tháng 02 năm 2021

BIÊN BẢN
Về việc thực hiện niêm yết công khai minh bạch tài sản,
thu nhập của viên chức

Thời gian bắt đầu: 15h00 ngày 19 tháng 02 năm 2021.

Địa điểm: Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ

Thành phần tham dự:

1. Ông Trần Trọng Tuyên - Giám đốc - Chủ trì cuộc họp.
2. Ông Vương Đình Thành – Trưởng phòng Công nghệ Thông tin và Phát triển thị trường công nghệ
3. Bà Phan Thị Linh Trang – Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp
4. Bà Nguyễn Thị Thơ Mộng – Trưởng phòng Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ
5. Bà Hoàng Ngọc Diệu Hiền – Phó trưởng phòng phụ trách phòng Dịch vụ Tư vấn và Đào tạo – Tổ trưởng tổ công đoàn.
6. Bà Trần Ngọc Thảo – Văn thư – Thư ký

Nội dung: Thống nhất thời gian và địa điểm niêm yết công khai minh bạch tài sản của các viên chức Trung tâm theo Quyết định số 07/QĐ-TTCKHCN ngày 02/02/2021 về việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 cho viên chức Trung tâm

1. Ông Trần Trọng Tuyên triển khai Công văn số 64/KH-SKHHCN ngày 27/01/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc kê khai tài sản, thu nhập Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020. Trung tâm đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-TTCKHCN ngày 02/02/2021 về việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 cho viên chức Trung tâm. Phòng Hành chính Tổng hợp đã kiểm tra tính đầy đủ về nội dung phải kê khai trong biểu mẫu.

Theo hướng dẫn của Công văn số 64/KH-SKHHCN ngày 27/01/2021, việc công khai minh bạch tài sản của các viên chức trong Trung tâm sẽ thực hiện theo phương thức niêm yết. Đề nghị các đồng chí cho ý kiến về thời gian, địa điểm niêm yết.

2. Ý kiến trong cuộc họp

Thống nhất niêm yết công khai minh bạch tài sản năm 2020 của các viên chức Trung tâm, cụ thể như sau:



- Vị trí niêm yết: Trên website của Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ

- Thời gian niêm yết: từ ngày 19/02/2021

- Thời gian kết thúc: ngày 19/03/2021

- Việc niêm yết phải có sự chứng kiến của các thành viên trong cuộc họp và được thông báo cho các toàn thể viên chức trong Trung tâm.

Cuộc họp kết thúc, các thành viên thực hiện xong việc niêm yết vào lúc 16h30 ngày 19/02/2021./.

Thư ký



Trần Ngọc Thảo

Chủ trì



Trần Trọng Tuyên



BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU
(Ngày 31 tháng 12 năm 2020)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: TRẦN TRỌNG TUYẾN, Ngày tháng năm sinh: 22/10/1976
- Chức vụ/chức danh công tác: Giám đốc Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương
- Nơi thường trú: 293/21/17 Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 280608470, ngày cấp 28/05/2015, nơi cấp: Công an Bình Dương.

2. Vợ của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN NGỌC LOAN, ngày tháng năm sinh: 01/06/1979
- Nghề nghiệp: Hiệu trưởng.
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Trường Mầm non Trà my 1; 43 Ngô Quyền, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Nơi thường trú: 288/29/10 Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 281067787, ngày cấp 18/06/2019, nơi cấp: Công an Bình Dương

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: TRẦN TRÚC LAM, ngày tháng năm sinh: 12/09/2012
- Nơi thường trú: 288/29/10 Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: Không.

3.2. Con thứ hai (trở lên): Không.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾



1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: 288/29/10 Huỳnh Văn Lũy, khu phố 7, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Diện tích⁽⁹⁾: 90 m² đất ở tại đô thị (nợ tiền sử dụng đất 25/10/2011); 35,4 m² đất trồng cây lâu năm
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 25.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số BG798675, ngày 24/10/2011, cấp cho ông Trần Trọng Tuyên.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Không

1.1.2. Thừa thứ 2:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: 508/29 Nguyễn Văn Trỗi, khu phố 6, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Diện tích⁽⁹⁾: 152 m² đất ở tại đô thị; 77,7 m² đất trồng cây lâu năm
- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định (Bố mẹ ruột cho tặng).
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số CS05954 ngày 21/12/2016, cấp cho ông Trần Trọng Tuyên.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Không

1.1.3. Thừa thứ 3:

- Địa chỉ: 90/7 Lạc Long Quân, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Diện tích: 78,39 m²
- Giá trị: Không xác định được giá trị
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 747182574720479 cấp ngày 24/04/2009 của UBND thành phố Thủ Dầu Một (352/GCN/2009).
- Thông tin khác: Không.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất: Đất trồng cây lâu năm, Địa chỉ: Hẻm 288/29 Huỳnh Văn Lũy, khu phố 7, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Diện tích: 124,5 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 25.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số BI743081 ngày 10/02/2012
- Thông tin khác (nếu có): Không

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không.



2. Nhà ở, công trình xây dựng: Không

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:

- Loại nhà⁽¹⁴⁾:

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Nhà ở dân dụng; Địa chỉ: 288/29/10 Huỳnh Văn Lũy, khu phố 7, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Loại công trình: Nhà ở dân dụng 01 trệt, 02 lầu; Cấp công trình: 04

- Diện tích: 208,47 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Chưa có giấy chứng nhận.

- Thông tin khác (nếu có): Không

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên):

- Tên công trình: Nhà ở dân dụng; Địa chỉ: 508/29 Nguyễn Văn Trỗi, khu phố 6, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Loại công trình: Nhà ở dân dụng 01 trệt, 01 lầu; Cấp công trình: 04

- Diện tích: 272,64 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Chưa có giấy chứng nhận.

- Thông tin khác (nếu có): Không

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:



- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Honda SH Mode; Số đăng ký: 61B2 28.333; Giá trị: 55.000.000 đồng

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: Không

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

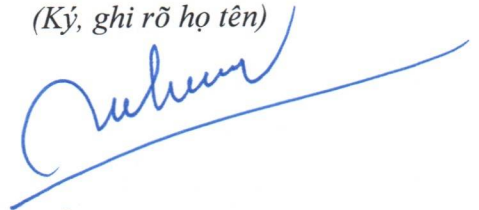
III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			

<p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾</p>			
--	--	--	--

Bình Dương, ngày tháng năm 2021
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Bình Dương, ngày 19 tháng 02 năm 2021
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Trọng Tuyên

Handwritten mark or signature in the bottom left corner.

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU
(Ngày 31 tháng 12 năm 2020)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ THƠ MỘNG Ngày tháng năm sinh: 15/02/1981
- Chức vụ/chức danh công tác: Trưởng phòng Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ
- Nơi thường trú: 288/64/5/12 Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 281178516 ngày cấp 09/02/2018 nơi cấp CA Bình Dương

2. Chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: TRẦN HỒNG PHƯỚC Ngày tháng năm sinh: 04/3/1981
- Nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng
- Nơi làm việc: Công ty Máy tính Tâm Đức
- Nơi thường trú: 288/64/5/12 Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 281259870 ngày cấp 09/02/2018 nơi cấp CA Bình Dương

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: TRẦN NGUYỄN MINH NHẬT Ngày tháng năm sinh: 06/01/2008
- Nơi thường trú: 288/64/5/12 Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: TRẦN NGUYỄN MINH NGUYỆT Ngày tháng năm sinh: 27/05/2013
- Nơi thường trú: 288/64/5/12 Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất: Không có

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ: Hẻm 220, khu 7, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Diện tích: 190,5 m²

- Giá trị: 2.500.000.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Nguyễn Thị Thơ Mộng Số 300827 ngày 14/7/2016

- Thông tin khác (nếu có): Không

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Không có

1.2. Các loại đất khác: Không có

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: Nhà ở riêng lẻ

- Địa chỉ: 288/64/5/12 Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Loại nhà: 01 trệt 01 lầu

Cấp công trình: Cấp IV

- Diện tích sử dụng: 100 m²

- Giá trị: 2.500.000.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Trần Hồng Phước, Số 499411, ngày 21/8/2012

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không có

2.2. Công trình xây dựng khác: Không có

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất: Không có

3.1. Cây lâu năm:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị:

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

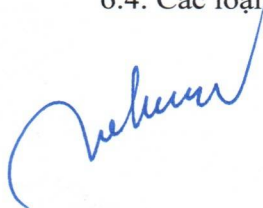
6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:




- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản: Xe ô tô Số đăng ký: 61A-76367 Giá trị: 502.000.000 đồng

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác):
Không có

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không có

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: Không có

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50			

<p>triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.</p>			
--	--	--	--

Bình Dương, ngày 19 tháng 02 năm 2021

**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
GIÁM ĐỐC**



Trần Trọng Tuyên

Bình Dương, ngày 19 tháng 02 năm 2021

**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)**

Nguyễn Thị Thơ Mộng

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU
(Ngày 31 tháng 12 năm 2020)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: HOÀNG NGỌC DIỆU HIỀN

Ngày tháng năm sinh: 16/10/1984

- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Trưởng phòng

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ

- Nơi thường trú: 80 ĐX094, khu phố 6, phường Hiệp An, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 290779095- Ngày cấp: 27/4/2009 -
Nơi cấp: Công an tỉnh Tây Ninh

2. Chồng của người kê khai tài sản, thu nhập: Không có

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:

- Nghề nghiệp:

- Nơi làm việc⁽⁴⁾:

- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật) : Không có

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:

- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên):

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾: Không có

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾:

- Diện tích⁽⁹⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng: Không có

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:
- Loại nhà⁽¹⁴⁾:
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không có

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không có

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản

khác)⁽²⁵⁾: Không có

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không có

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: Không có

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

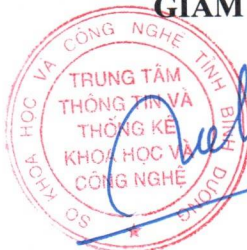
- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			

<p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>			
--	--	--	--

Bình Dương, ngày 19 tháng 02 năm 2021
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
GIÁM ĐỐC



Trần Trọng Tuyên

Bình Dương, ngày 19 tháng 02 năm 2021
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Hoàng Ngọc Diệu Hiền

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU
(Ngày 31 tháng 12 năm 2020)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Vương Đình Thành Ngày tháng năm sinh: 07/10/1980
- Chức vụ/chức danh công tác: Trưởng phòng Công nghệ thông tin và Phát triển thị trường công nghệ
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ
- Nơi thường trú: Xã Diên Cát, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 182349734 ngày cấp 20/9/2015 nơi cấp: Công An tỉnh Nghệ An.

2. Vợ của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hoài Phương Ngày tháng năm sinh: 20/03/1987
- Nghề nghiệp: Kế toán
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Công ty TNHH MTV TM-DV Vận tải Phước Thái
- Nơi thường trú: 52/8A Bắc Sơn, Phường 11, Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 077187003785 ngày cấp: 22/10/2019 nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Vương Đình Đạt Ngày tháng năm sinh: 08/12/2008
- Nơi thường trú: 52/8A Bắc Sơn, Phường 11, Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Vương Minh Quân Ngày tháng năm sinh: 17/12/2015
- Nơi thường trú: 52/8A Bắc Sơn, Phường 11, Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾: Quyền sử dụng đất ở.

1.1. Đất ở⁽⁷⁾: Đô thị.

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Đường ĐX 112, KP.8, P.Tân An, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Diện tích⁽⁹⁾: 200m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 600 triệu đồng.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số 3115, tờ bản đồ số 7-5, ngày 02/05/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp.

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): KHÔNG.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): KHÔNG.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất

- Địa chỉ: Đường ĐX 112, KP.8, P.Tân An, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Cấp 3
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 140m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 800 triệu đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Chưa có
- Thông tin khác (nếu có): Không

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): KHÔNG.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: KHÔNG.

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): KHÔNG.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: KHÔNG.

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: KHÔNG.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: KHÔNG.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): KHÔNG.

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: KHÔNG.

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: KHÔNG.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: KHÔNG.

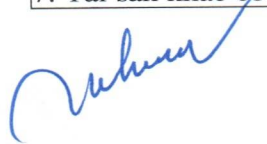
- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: KHÔNG.

- Tổng thu nhập của người kê khai:
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:
- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

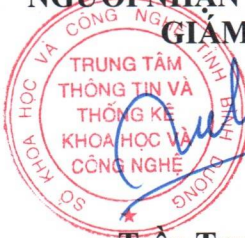
Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở			




<p>lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai</p>			
---	--	--	--

Bình Dương, ngày 19 tháng 02 năm 2021

**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
GIÁM ĐỐC**



Trần Trọng Tuyên

Bình Dương, ngày 19 tháng 02 năm 2021

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Vương Đình Thành

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU
(Ngày 31 tháng 12 năm 2020)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: PHAN THỊ LINH TRANG Ngày tháng năm sinh: 15/7/1971
- Chức vụ/chức danh công tác: Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ
- Nơi thường trú: 1333 đường Lê Chí Dân, P. Tương Bình Hiệp, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 280463509 ngày cấp 06/11/2018 nơi cấp CA Bình Dương

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nghề nghiệp:
- Nơi làm việc:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Nguyễn Như Ngọc Ngày tháng năm sinh: 28/5/2013
- Nơi thường trú: 1333 đường Lê Chí Dân, P. Tương Bình Hiệp, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

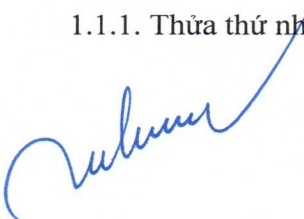
3.2. Con thứ hai (trở lên): Không có

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất: Không có

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thừa thứ nhất:



- Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng: Không có

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:
- Loại nhà:
- Diện tích sử dụng:
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất: Không có

3.1. Cây lâu năm:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị:

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không có

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác):
Không có

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không có

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: Không có

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ			

<p>50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.</p>			
---	--	--	--

Bình Dương, ngày 19 tháng 02 năm 2021

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
GIÁM ĐỐC



Trần Trọng Tuyên

Bình Dương, ngày 19 tháng 02 năm 2021

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phan Thị Linh Trang